

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 36/2018/HS-ST
Ngày: 26/11/2018

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK - TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Mung Niê; ông Trương Quang Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Chinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Krông Búk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2018/TLST-HS ngày 02/11/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2018/QĐXXST-HS ngày 12/11/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Đình Q**; sinh năm 1995, tại tỉnh Nghệ An; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Đình Qa và bà Lê Thị Th; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam theo Lệnh số 327/ĐTHS ngày 25/8/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K; Lệnh số 10/LTG-VKS ngày 23/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K; Quyết định tạm giam số 12/HSST-QĐTG ngày 02/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện K - Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Phạm Thế H, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn A1, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị X, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - Văng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Văng mặt.

2. Anh Lê Anh Q1, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - Văng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Đình Q là người nghiện chất ma túy, khoảng 11 giờ ngày 13/4/2018, Q cùng Lê Anh Q trên đường đi từ xã C về xã C1, huyện K thì xe hỏng nên dắt xe đến tiệm sửa xe của anh Phạm Thế H để sửa, khi chờ anh H sửa xe thì Q đi vào uống nước và phát hiện anh H có để 01 điện thoại di động trên 01 cái tủ nhôm ở trong tiệm, do anh H sửa xe và không để ý nên Q đã lấy chiếc điện thoại bỏ vào túi quần rồi đi ra phía trước ngồi đợi. Sau khi sửa xe thì Q1 chở Q về buôn E, xã C còn Q1 đi về nhà. Sau khi Q, Q1 đi được một lúc thì anh H phát hiện bị mất điện thoại nên đã gọi điện hỏi Q1 có lấy không thì Q1 trả lời là không lấy, đến khoảng 17 giờ cùng ngày Q1 gặp Q và hỏi Q có lấy điện thoại của anh H không, thì Q thừa nhận đã lấy trộm và nhờ Q1 đem trả điện thoại cho anh H1, còn Q đón xe xuống thành phố H để trốn, ngày 04/5/2018 Q ra đầu thú.

Tại biên bản và kết luận định giá tài sản ngày 20/4/2018 và ngày 08/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: 01 di động Iphone 5SE trị giá 3.500.000 đồng; 01 ốp lưng điện thoại di động Iphone 5SE trị giá 20.000 đồng, tổng giá trị tài sản: 3.520.000 đồng.

Cáo trạng số 38/CT-VKS ngày 01/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk đã truy tố bị cáo Trần Đình Q về tội *Trộm cắp tài sản* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk sau khi phân tích, đánh giá tính chất, hậu quả, các chứng cứ buộc tội, các tình tiết giảm nhẹ,

nhân thân của bị cáo đã giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị tuyên bố bị cáo Trần Đình Q phạm tội *Trộm cắp tài sản*;

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Trần Đình Q từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị chấp nhận:

- Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Krông Búk đã trả lại 01 điện thoại di động Iphone 5SE, màu hồng, 01 sim số 01214505797, 01 ốp lưng điện thoại Iphone 5SE, màu đen cho anh Phạm Thế H; trả 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha (Sirius), màu xám bạc, biển kiểm soát 47U1- 118.83, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 008414 (bản phô tô chứng thực) cho bà Lê Thị X là các chủ sở hữu hợp pháp.

- Về trách nhiệm dân sự: Anh Phạm Thế H, bà Lê Thị X không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Bị cáo Trần Đình Q không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên rất ân hận và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của người bị hại, người làm chứng, phù hợp với thời gian, địa điểm, biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, biên bản xác định lại hiện trường và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận

khoảng 11 giờ sáng ngày 13/4/2018 khi chờ sửa xe bị cáo đã lấy trộm 01 điện thoại di động Iphone 5SE của anh H.

Hành vi của bị cáo đã phạm tội *Trộm cắp tài sản*, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173: Tội trộm cắp tài sản.

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo, nhận thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng đến trật tự trị an, với động cơ tư lợi cá nhân, mục đích muốn lấy trộm tài sản để đem bán lấy tiền tiêu sài, bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi trộm cắp 01 di động Iphone 5SE, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của anh H được pháp luật bảo vệ, nên cần áp dụng mức hình phạt tương ứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nên Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tính tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã ra đầu thú, khắc phục hậu quả khi trả lại tài sản cho người bị hại, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng cho bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên cần xem xét áp dụng hình phạt tù có thời hạn với bị cáo mới đảm bảo tác dụng giáo dục, cải tạo riêng và răn đe phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Tài sản bị trộm cắp là 01 điện thoại Iphone 5SE (kèm theo sim và ốp lưng) đã được trả lại và anh Phạm Thế H. Bà Lê Thị X đã nhận lại 01 xe mô tô biển kiểm soát 47U1 – 118.83 kèm theo giấy đăng ký xe và không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết là phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Cần chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại 01 điện thoại di động Iphone 5SE màu hồng, kèm theo sim và 01 ốp lưng cho anh H; trả lại 01 xe mô tô biển kiểm soát 47U1 – 118.83, kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 008414, (bản phô tô chứng thực) cho bà Lê Thị X là phù hợp.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cần buộc bị cáo Trần Đình Q phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

1. Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Đình Q phạm tội *Trộm cắp tài sản*.

2. Về hình phạt:

Xử phạt: Bị cáo Trần Đình Q **06** (sáu) tháng tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 04/5/2018 đến ngày 09/5/2018.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 25/8/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự:

- Anh Phạm Thế H, bà Lê Thị X đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường nên không giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại 01 điện thoại di động Iphone 5SE màu hồng, kèm theo sim và 01 ốp lưng cho anh Phạm Thế H; trả lại 01 xe mô tô biển kiểm soát 47U1 - 118.83, kèm theo bản phô tô chứng thực giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 008414 (*Theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 12/6/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk*).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáo Trần Đình Q phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo bản án: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Công an huyện Krông Búk;
- Cơ quan THA hình sự huyện Krông Búk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THA dân sự huyện Krông Búk;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu HS-VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Văn Vân